Tập 6 — Cô Gái Hạ Tiện Yêu Tôn Giả Ānanda

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Thư Viện Hoa Sen chuyển qua định dạng sách Ebook PDF từ nguyên bản ngày 21/2/2014

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH

6 (Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Lời giới thiệu

Cuộc đời đức Phật là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều sử gia, triết gia, học giả, nhà văn, nhà thơ, nhà khảo cổ, nhạc sĩ, họa sĩ, những nhà điêu khắc, nhà viết kịch, phim ảnh, sân khấu... Và hàng ngàn năm nay đã có vô số tác phẩm về cuộc đời đức Phật, hoặc mang tính lịch sử, khoa học hoặc phát xuất từ cảm hứng nghệ thuật, hoặc từ sự tôn kính thuần tín ngoỡng tôn giáo, đủ thể loại, nhiều tầm cỡ, đã có ảnh hoởng sâu xa trong tâm khảm biết bao độc giả, khán giả, khách hành hoơng chiêm bái và những ngoời yêu thích thoởng ngoạn nghệ thuật. Tuy nhiên, qua văn choơng, thi phú, hội họa, điêu khắc... một số tác phẩm không khỏi ít nhiều nhuốm màu sắc cá tính, tình cảm, phong cách, tầm nhìn hoặc trình độ nhận thức chủ quan của tác giả. Do đó, nhiều tác giả đã đánh tráo đức Phật lịch sử thành một nhân vật thần thoại, một đấng siêu huyền; những tác giả khác có dụng ý đánh đồng cuộc đời đức Phật với những hoạt động đầy chủ quan của mình, hầu phô trooơng bản ngã hay đề cao uy tín cá nhân, đã không ngần ngại biến đức Phật thành một con ngoời tầm thoờng, dung tục. Và tệ hại nhất là không ít tác giả ngoại đạo có âm mou phá hoại Phật giáo, đã khéo léo tôn vinh đức Phật lên tận mây xanh, nhoơng thực ra là để xuyên tạc sự thật, đánh lừa quần chúng.

Thấy rõ điều nguy hại này, Soơ Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) đã kiên nhẫn đọc rất nhiều tác phẩm, cùng những sử liệu đáng tin cậy để tìm tòi, tra cứu, đối chiếu, xác minh sự thật qua những chứng cứ di tích lịch sử, với tâm nguyện cống hiến một tác phẩm vừa giàu tính văn choơng nghệ thuật vừa đầy đủ những chi tiết khách quan và trung thực nhất về cuộc đời đức Phật. Với lối văn kể chuyện, tất nhiên phải có nhiều đoạn văn choơng hoơ cấu, chỉ cốt để chuyển mạch, để làm cho câu chuyện càng thêm thi vị, hấp dẫn, đồng thời làm rõ bối cảnh của những sự kiện lịch sử mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa sâu xa, mầu nhiệm của những pháp thoại đoợc trình tự trích dẫn một cách trung thực, đúng lúc và đúng chỗ. Tôi trân trọng giới thiệu tác phẩm "Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt" đến quý bạn đọc để chúng ta cùng chia sẻ với tác giả lòng kính ngoỡng sâu xa một bậc giác ngộ đầy trí tuệ và vị tha nhân ái, một con ngoời lịch sử nhoơng siêu việt và sáng ngời nhoơ một vầng nhật nguyệt. Trân trọng.

Tổ Đình Bửu Long, ngày 20-4-2008
Hòa thoợng Viên Minh

Phó Ban Thiền Học
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Cô Gái Hạ Tiện Yêu Tôn Giả Ānanda(1)

Một ngày kia, tôn giả Ānanda du hành ở phương xa, trên đường trở về Kỳ Viên, ngài đi trì bình khất thực quanh xóm làng ngoại ô rồi nghỉ dưới một gốc cây để độ thực. Dùng ngọ xong, tôn giả ôm bát đi theo lối mòn tìm nước uống nơi một xóm nhà nghèo nàn ven chân núi. Thấy một cô thiếu nữ bên đường đang múc nước giếng, bước đến gần, ôm bình bát trong tay, ngài lặng lẽ đứng một bên, đưa mắt nhìn xuống. Cô gái ấy tên là Prakirti, nàng vốn là hạng tiện dân chiên-đà-la(2) thấp kém ở ngoài rìa xã hội, thấy một "vị bà- la-môn" tướng cách cao sang, quý phái đến đứng lặng lẽ gần bên thì vô cùng sợ hãi; nàng cúi đầu xuống, hỏi lí nhí trong cổ họng: - Thưa ngài, ngài cần gì không ạ? Tôn giả Ānanda, vẫn với tầm mắt nhìn xuống, nói rõ mục đích của mình:

(1) Phỏng dịch từ nguyên tác Anh ngữ: "Venerable Ānanda and outcaste maiden" của V. Weragoda Sarada Mahāthera - Chief Monk/ Chief AdmiNistrator - Singapore Buddhist Meditation Center). (2) Chiên-đà-la là hạng người ở tận đáy xã hội - họ bị khinh bỉ, bị xua đuổi không khác gì thú vật; cả 4 giai cấp bà-la-môn, sát-đế-ly, vệ-xá, thủ-đà-la sử dụng họ như bọn nô lệ...

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 7

- Thưa cô, vui lòng cho tôi xin chút ít nước. Nghe "người lạ" thuộc đẳng cấp thượng lưu lại nói lời "thưa cô", cô gái càng sợ hãi hơn: - Cháu là kẻ thấp hèn. - Tôi chỉ cần chút ít nước thôi. - Cháu là dân thấp hèn, hạ liệt. Không có ai uống nước của chúng cháu cả. - Tôi chỉ cần chút ít nước uống cho hết khát thôi. Nước là dùng để mà tắm rửa, giặt giũ, giải khát; nước có phân biệt giai cấp gì đâu, thưa cô! .Nghe "người lạ" nói một câu kỳ lạ là không phân biệt giai cấp, cô gái bây giờ mới mạnh dạn ngước đầu lên, mới dám trả lời cho rõ ràng: - Cháu là con gái giống nòi hạ đẳng chiên-đà-la. Nước giếng này vốn trong và ngọt, nhưng đối với những người ở giai cấp trên, họ xem nước của chúng cháu không sạch, nó dơ bẩn. Nước này chỉ có chúng cháu uống. Các giai cấp trên trước họ chê là ô uế, họ không uống đâu; cho chí rửa tay, họ cũng không dám! - Tôi không hề hỏi cô thuộc giai cấp, đẳng cấp nào mà! Tôi chỉ xin nước uống thôi mà. - Chẳng lẽ ngài không biết sao? Trong xứ này, nói đại lược là có hai giai cấp, giai cấp cao sang và giai cấp hạ liệt(1). Cháu thuộc hạng người thấp thỏi, hèn kém nhất trong xã hội loài người. - Tôi đâu cần biết giai cấp của cô. Tôi chỉ cần nước uống thôi, thưa cô! - Làm sao cháu có thể tùy tiện dâng nước cho ngài được? Cháu là con gái hạ tiện. Những người ở trong lâu đài to lớn, cao sang trong kinh thành, họ thuộc giai cấp trên (1) Ý cô gái muốn nói, 4 giai cấp xã hội là cao quý, cao sang - còn cô không được phép ở trong một giai cấp nào cả, là kẻ nô lệ, là hạng thấp hèn nhất, nếu được gọi là giai cấp thì là giai cấp hạ liệt nhất.

8 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

trước(1). Còn những người hèn hạ như cháu, chúng cháu không có được cả cái quyền nhìn họ nữa là. Ngay cả cái bóng của chúng cháu, họ(2) cũng ghê tởm không dám dẫm

lên. Khi chúng cháu đến gần, họ tránh ra xa. Nếu bắt buộc phải nhìn thấy chúng cháu, họ phải rửa mặt tẩy uế với nọ́ớc tẩm họ̣ơng hoa, vừa cau mày vừa than: “Thần thánh ôi! Ta vừa nhìn thấy cái gì vậy kìa! Bọn dân hạ tiện!”. Thế thì làm sao cháu dám dâng nọ́ớc cho ngài đọ̣ợc? Làm sao cháu dám đến gần ngài để dâng nọ́ớc? Nếu chiếc bóng của cháu có dính trên ngọ̣ời ngài, ngài cũng sẽ trở thành dân hạ tiện mất thôi! Tôn giả Ānanda cảm thấy bất bình về định kiến tệ hại của xã hội, xót thọ̣ơng cho hạng tiện dân sống trong hoàn cảnh bất công, tủi nhục nên muốn nói rõ cho cô gái biết quan niệm bình đẳng giữa ngọ̣ời và ngọ̣ời trong giáo pháp của đức Tôn Sọ̣: - Tôi không để ý gì đến cái gọi là giai cấp cao và thấp ấy. Tôi chỉ biết rằng cô cũng là một con ngọ̣ời nhọ̣ tôi thôi. Tôi chọ̣a bao giờ nghe nói giai cấp có thể tạo ra sự khác biệt giữa ngọ̣ời này với ngọ̣ời khác. Tôi không chấp nhận ý tọ̣ởng, quan điểm cổ hủ, mọi rợ và lệch lạc ấy. Tất cả mọi ngọ̣ời trong chúng ta, ai cũng có hai tay, hai chân, hai mắt, một miệng, một khuôn mặt và một cái mũi. Có thể nào mặt trời lại mọc ở phọ̣ơng Tây đối với ngọ̣ời thuộc giai cấp dọ̣ới? Có thể nào mặt trời lại mọc ở phọ̣ơng Đông chỉ để dành cho giai cấp thọ̣ợng lọ̣u? Còn nữa, cảm nhận hạnh phúc hay đau khổ thì ai cũng giống nhau, có ai khác với ai đâu? Khi ăn, bụng ai cũng đầy, cũng nở ra; khi đói thì bụng (1) Là giai cấp bà-la-môn (tu sĩ, các giáo chủ, các thầy tọ̣ tế); sát-đế-lỵ (vua chúa, tọ̣ớng lãnh, chiến sĩ); vệ-xá (thọ̣ơng gia, chủ nghiệp đoàn, giai cấp thợ thầy các ngành nghề...); riêng thủ-đà-la là giai cấp lao động chân tay). (2) Đa phần bà-la-môn mới kỳ thị khắc nghiệt nhọ̣ thế - ba giai cấp còn lại cũng chừng mực thôi.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 9

ai cũng cồn cào và nó teo tóp lại! Vậy thì họ khác nhau ở chỗ nào, thọ̣a cô? “Giữa con ngọ̣ời với con ngọ̣ời thì ai cũng giống nhau”- Prakirti nắm bắt đọ̣ợc ngay quan điểm vọ̣ợt ngoài giai cấp rất bình đẳng, rất cởi mở, thông thoáng của “ngọ̣ời lạ”, nhọ̣ng cô cũng muốn hiểu cho rõ hơn: - Bề ngoài thì không có gì khác nhau lắm đâu, đúng nhọ̣ ngài đã nói. Nhọ̣ng những ngọ̣ời ở giai cấp trên, họ nhờ có phọ́ớc báu nên mới xứng đáng sinh vào dòng dõi thọ̣ợng lọ̣u ấy đọ̣ợc. Còn chúng cháu thì do vô phọ́ớc, nhiều tội lỗi nên phải sinh vào dòng dõi thấp hèn này. Họ đọ̣ợc diễm phúc sinh ra từ miệng, từ vai Đại Phạm Thiên (Mahā Brāhmā). Còn chúng cháu thì “bị” sinh ra từ bàn chân, gót chân của đấng ấy. Tất cả chúng cháu đều không đọ̣ợc phép học kinh Vệ Đà. Do vậy chúng cháu ngu dốt, thấp kém, thua thiệt đủ mọi bề, mọi thứ. Chúng cháu không đọ̣ợc đặt vào bất cứ một giai cấp nào, là hạng ngọ̣ời ở tận cùng cái đáy của xã hội, thọ̣a ngài. Bây giờ thì cả hai ngọ̣ời đã bắt đầu nói chuyện một cách khá tự nhiên. Cô gái khẽ nhìn “ngọ̣ời lạ”, thấy ông ta đẹp đẽ và oai nghiêm quá, cô lại cúi đầu xuống, tim đập thình thình, đôi má chợt đỏ lựng lên. Tôn giả Ānanda vô tâm không để ý, tiếp tục cuộc đối thoại, giải thích cho cô gái rõ hơn một tí nữa: - Bậc Đạo Sọ̣ của tôi không dạy nhọ̣ vậy, không giảng nhọ̣ thế đâu. Ngài dạy rằng, tất cả chúng ta đều bình đẳng, không có giai cấp trong giọ̣t máu và trong giọ̣t nọ́ớc mắt. Máu ai cũng đỏ và nọ́ớc mắt ai cũng mặn. Cô có thể nghe tôi đọc câu này, là của Đạo Sọ̣ tôi dạy đó: “No jaccā vasalo hoti Na jaccā hoti brāhmaṇo Kammanā vasalo hoti Kammanā hoti brāhmaṇo”. 10 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Nó có nghĩa là: Không ai sinh ra đã thành hạ tiện. Không ai sinh ra đã thành bà-la-môn. Chính do hành động, do nghiệp (kamma) mới thành hạ tiện, chính do hành động, do nghiệp mới thành bà-la-môn! Cô gái nghe nhọ uống cả vào lòng, mát rợời rợợi. Cô len lén đọa mắt ngó quanh xem thử có ai thấy không. Vừa sợ hãi vừa thẹn thùa, cô cúi xuống, với bàn tay run run, đọa gàu kề miệng bát để rót nợớc. Khi thấy nợớc vừa đủ dùng, Tôn giả Ānanda bợng bát uống một hơi dài. Sau đó, ngài còn chịu khó, dịu dàng giải thích thêm cho cô gái, đại ý là: Phải biết giá trị con ngợời trong cộng đồng loài ngợời, đừng tự ti mặc cảm, đừng sống theo quy định, áp đặt của xã hội; phải biết tôn trọng giá trị con ngợời trong con ngợời của mình, để vợơn lên, để đứng thẳng, để giữ vẹn phẩm chất cao quý của con ngợời - là nhọ thế nào! Con ngợời vốn bình đẳng và tự do! Không luật pháp nào, định chế nào, xã hội nào, con ngợời nào có quyền tợớc đoạt cái quyền bình đẳng và tự do ấy. Thấy cô gái im lặng lắng nghe có vẻ rất chăm chú, ngài từ tốn nói lời cám ơn cô gái rồi ôm bát bợớc đi. Cô thiếu nữ sững sờ đọa mắt nhìn theo cho đến khi ngài Ānanda khuất dạng phía xa xa... Đăm đắm nhìn theo chiếc bóng của vị sa-môn, cô gái nhọ còn nghe văng vẳng bên tai: “Vui lòng cho tôi xin chút nợớc!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nợớc!” Ôi! Lời nói sao mà ngọt ngào, mát dịu lạ lùng! “Vui lòng cho tôi xin chút nợớc!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nợớc!” Ôi! Lời nói sao mà dịu dàng, khiêm tốn đến vậy! Ồ, vị này là ai, ở đâu mà vừa cao sang quý phái, vừa đẹp đẽ, đôn hậu quá chừng chừng! Chẳng lẽ không có một giếng nợớc nào khác ở trong kinh đô Sāvatthi này? Chẳng lẽ chỉ có nợớc duy nhất ở cái giếng này thôi? Tại sao ngợời ấy lại tìm đến ngay mình đây để xin nợớc? Chẳng lẽ mình là ngợời con gái duy nhất tại Minh Đức Triều Tâm Ảnh 11

kinh đô Sāvatthi? Quả thật ngợời ấy chỉ đến để xin nợớc, chẳng cần quan tâm rằng mình là hạng con gái thấp hèn? Lẽ ra ngợời ấy phải biết chứ! Nhìn qua cách ăn mặc thì trẻ con cũng biết mình là dân bần cùng, hạ tiện. Ngợời đàn ông đẹp đẽ, cao sang, quý phái, khiêm tốn, dịu dàng, khả ái kia là ai vậy kìa? Ông ta từ đâu đến? Cám ơn trời đất, thánh thần trên đầu trên cổ đã đọa ngợời ấy đến cái giếng nợớc “định mệnh” này. Nhờ ngợời ấy, tôi mới biết đợợc rằng tôi cũng là một con ngợời, lại là một thiếu nữ son trẻ nhọ ai kia vậy. Từ trợớc đến nay, tôi cứ nghĩ mình không phải con ngợời, chỉ là một động vật hạ liệt dơ dáy, là một đứa con-gái-thú-vật không hơn không kém. Ôi, gợơng mặt ngợời ấy sao mà quyến rũ! Ôi, đôi mắt ngợời ấy sao mà tràn ngập nhân từ! Ôi, dáng dấp ngợời ấy sao mà thanh nhã, trẻ trung, sáng chói, đẹp đẽ đến vậy! Làm sao mình có thể gặp lại ngợời ấy một lần nữa bây giờ? Làm sao mình có thể nghe lại giọng nói ngọt ngào kia một lần nữa? Sống để mà làm gì nếu không thấy lại đợợc ngợời ấy? Ôi, giá nhọ ngày nào mình cũng đợợc dâng nợớc cho ngợời! Ngày nào mình cũng đợợc nói với ngợời ấy vài lời, vài lời thôi! Nếu ngợời ấy lại đến, thì nhất quyết mình không để cho ngợời ấy đi. Tôi sẽ mang ngợời ấy về nhà và giữ rịt ngợời ấy lại. Nếu đợợc ngắm ngợời ấy, mình sẽ không cần ăn, không cần uống. Cứ nhìn ngợời ấy là đủ no rồi, đủ hạnh phúc rồi. “Vui lòng cho tôi xin chút nợớc!”, “Vui lòng cho tôi xin chút nợớc!” Ôi! Tiếng lời dịu dàng ấy đã khắc sâu vào tận đáy lòng, khắc sâu vào trái tim của mình mất rồi! Mẹ cô thiếu nữ hạ tiện thấy con mình đi múc nợớc quá lâu không về, sốt ruột, bà gọi ơi ới: - Prakirti! Prakirti! Con ở đâu? Mẹ tìm con nãy giờ sao không

thấy? Con gái tôi đi đâu rồi? Đã có chuyện gì xảy đến với con thế? Con đã mọc rễ bên bờ giếng rồi hay sao vậy?

12 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Lần nào đi lấy nọ́ớc cũng cứ trò chuyện mải miết với bọn con gái thôi! Prakirti! Prakirti! - Thọa mẹ, con đây! - Ở đâu thế? - Ở đây! Bên giếng nọ́ớc chớ đâu! - Trời đã trọa trợt rồi. Đất đã nóng bỏng cả chân rồi đó. Tất cả con gái nhà ngọ́ời ta đi múc nọ́ớc đều đã về cả rồi. Tại sao con còn làm gì ở đấy một mình vậy? - Mẹ ơi, cái giọng nói kia sao mà ngọt ngào quá: “Vui lòng cho tôi xin chút nọ́ớc!” - Vui lòng xin chút nọ́ớc? Cái gì vậy? Cái gì nọ́ớc? Ai đã xin con nọ́ớc? - Một ngọ́ời đàn ông trẻ trung, đẹp đẽ vô song! Ông ta có cái đầu cạo trọc, mình khoác chiếc y màu vàng, tay thì bọ́ng bình bát. Ấy là một chàng trai thanh niên có dáng dấp thanh cao, khả ái, thọa mẹ. - Cạo trọc đầu? Làm sao một ngọ́ời đàn ông trẻ, đầu cạo trọc mà có thể gọi là đẹp đọ́ợc? Chẳng lẽ con không biết, họ cạo trọc đầu là để mà phá tọ́ớng? Là để mà xua đuổi cái đẹp đi? - Con không biết điều đó. Mà con cũng không cần biết, không thèm biết. Con chỉ thấy, chỉ biết ngọ́ời đàn ông cạo trọc ấy đẹp tuyệt trần. Toàn thân ngọ́ời ấy sáng rực ánh vàng nhọ́ dát vàng. Cặp mắt ngọ́ời ấy nhân từ, dịu dàng. Phong thái ngọ́ời ấy thanh cao nhọ́ng bình dị. Là hiện thân của nhân từ và bình dị đó, mẹ ơi! - Ngọ́ời ấy có cùng đẳng cấp với mình không con? - Dạ thọa có! Ngọ́ời ấy nói là ở cùng một giai cấp với chúng ta! - Giai cấp gì vậy con? - Là con ngọ́ời! Đều cùng một “giai cấp con ngọ́ời” đấy mẹ ạ!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 13

- Chắc con lại giở trò ma lanh che giấu cái dòng hạ tiện của mình khi nói chuyện với ngọ́ời ta chứ gì? Biết bao nhiêu tiện dân ở xứ này không muốn để lộ thân phận nô lệ của mình cho ngọ́ời khác biết. Thái độ ấy thật là nhục nhã. Nếu ai trong chúng ta cũng hãnh diện, tự hào về chỗ mình đang đứng, bằng lòng cái kiếp cỏ rác hèn mọn của mình thì làm gì, có ai dám chê chúng ta là thấp hèn, là hạ liệt nữa nào! Có lẽ con không nói cho ngọ́ời ta biết con là con gái hạ tiện, phải không? - Không, con có nói! Con có nói con thuộc về hạng tiện dân. Nhọ́ng ngọ́ời ấy không chịu nhận nhọ́ vậy. Ngọ́ời ấy chỉ nói hoài, nói mãi là “chỉ xin nọ́ớc uống thôi”. Ngọ́ời ấy còn đọc một câu kệ, có lẽ là do đạo sọ́ của ngọ́ời ấy dạy: “Một ngọ́ời trở thành bà-la-môn hay hạ tiện không phải do sinh ra mà do hành động, do nghiệp tạo thành!” - Ngọ́ời ấy còn nói gì nữa không? - Ngọ́ời ấy còn nói cái gì có vẻ cao siêu lắm mà con không hiểu hết ý nghĩa. - Vậy sao? Thế con có nhớ đọ́ợc một câu, một đoạn nào, nói lại cho mẹ nghe xem nào! - Không nhớ mới lạ! Nó nhọ́ khắc in ở trong óc con đó! - Vậy con nói lại đi! - Ổng nói:“Đừng làm trái với cái bản chất tự do mà ta vốn có nhọ́ là ngọ́ời, và là của con ngọ́ời. Chối bỏ bản chất ngọ́ời của mình, bằng cách nghĩ rằng mình có một bản chất riêng, bản chất riêng ấy là thấp thỏi, là hạ liệt, là đáng khinh miệt và không bao giờ thay đổi đọ́ợc. Nghĩ thế và làm thế là tai hại, là nguy hại còn hơn là giết chết bản chất thật của mình nữa. Thiếu sự tôn trọng mình là một thái độ thấp hèn còn hơn cả hủy diệt bản chất ngọ́ời của mình. Ngọ́ời ấy nói nhọ́ vậy. Mọi con ngọ́ời sinh ra trên trái đất này đều là những con ngọ́ời tự do” Ngọ́ời ấy còn nói rằng: “Sau khi sinh ra nhọ́ vậy, tự do nhọ́ vậy, nhọ́ng lần hồi tự do ấy bị thu 14 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

hẹp lại vì những hàng rào chướng ngại như chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, đạo sơ, giáo sĩ, cổ lệ...” Thưa mẹ! Người ấy nói thấm thía quá. Lại như thắp một ngọn đèn cho cái suy nghĩ của con. Trong đầu con, bấy lâu, con cứ nghĩ về con như là một người cam chịu thấp hèn, bị ràng buộc tất định bởi tập tục xã hội, trong giáo điều đâu đó có sẵn. Con cứ nghĩ về con, thân phận của con có khác gì con chó hoang bất hạnh, sục sạo, bới móc tìm kiếm thức ăn thừa, rơi vãi nơi đầu đường, xó chợ. Người ấy đã mang ánh sáng đến cho con, mẹ ơi! Con cảm tưởng như con từ đây bắt đầu một đời sống mới. Chỉ cho đến ngày hôm nay con mới học hiểu được rằng, con là thành viên mới, là một con người trong xã hội loài người. Người ấy là ánh sáng. Người ấy là ánh sáng của con. “Vui lòng cho tôi xin một chút nước”, “Vui lòng cho tôi xin một chút nước”. Lời nói ấy sao mà dịu dàng, sao mà ngọt ngào đến vậy hở mẹ! - Mặc dù người ấy không muốn đề cập về hạng người ở ngoài rìa xã hội, nguyên nhân nghèo đói và sự bị nguyền rủa, bị khinh miệt của chúng ta; nhưng con ơi, mẹ biết. Con người ta sinh ra thế này hay thế kia, giàu hay nghèo, quý hay tiện đều là kết quả của hành động, đều là do nghiệp. - Vậy những người ở đẳng cấp cao đã làm gì mà được sinh ra như vậy ? - Họ cũng thế! Đó là kết quả của hành động, của nghiệp từ quá khứ vậy. - Dù thế nào chăng nữa, người ấy nói với con rằng người ta không trở thành cấp cao hay cấp thấp vì sinh ra như thế. Người ấy nói: “Dù là vua chúa, dù là bà-la-môn, dù là đạo sĩ, dù sa-môn - nếu sát sinh hại vật, nếu trộm cắp của người, nếu tà dâm, tà hạnh nếu nói điều ác độc, điêu xảo, nếu rượu chè say sưa thì đều được coi là người thấp thỏi, hạ liệt hết”. - Đúng vậy! Người ấy nói chí lý. Đó là điều mà mẹ vừa nói với con: Là kết quả của nghiệp! Minh Đức Triều Tâm Ảnh 15

- Mẹ ơi! Không phải bất cứ điều gì xảy ra cũng đổ vấy cho nghiệp cả. Con không tin. Mình là dân hạ tiện không phải vì nghiệp mà là vì xã hội đưa ra điều lệ, quy định ác độc và ngu ngốc như thế. Con không thể chấp nhận những áp đặt vô nghĩa lý ấy. Mà thôi mẹ ạ! Mình nói chuyện khác. Nói hoài chuyện ấy cũng không đi đến đâu, ai cũng đã chịu đựng, cúi đầu nhục nhã và đớn hèn từ lâu lắm rồi. Hãy nói chuyện về chàng trai xin nước. Chàng trai xin con chút nước kia có tên là gì vậy? Đó là điều mà con muốn biết. Người ấy làm gì? Con chỉ muốn biết chuyện ấy mà thôi. - Mẹ không biết! - Mẹ biết mà! Mẹ hay đi đây đi đó, mẹ biết mà! Dường như hồi nãy mẹ có nói chuyện với người hàng xóm? - Ừ, thôi được rồi! Mẹ biết! Người hàng xóm thấy con nói chuyện với trai nên báo cho mẹ biết! Mẹ cũng thoáng thấy dáng dấp của ông ta rồi. Ông ta tên là Ānanda, là đệ tử của đức Phật, thuộc dòng dõi Sākya quý tộc. - Người ấy làm gì vậy mẹ? - Làm một vị tu sĩ. Ông ta đã từ bỏ đời sống thế tục và đã trở thành một vị tỳ-khưu! - Ồ, mẹ ơi! Người ấy là một người đàn ông tốt nhất trên đời này. Con chẳng cần biết ông ta là ai. Con chỉ muốn được nhìn ngắm người ấy mãi hoài thôi. Con không thể sống mà không có người ấy. Con cần có Ānanda. Nếu con không có được người ấy, con sẽ nhịn đói cho đến chết. Mẹ ơi! Mẹ có học chú thuật, mẹ biết làm phù phép; vậy mẹ hãy dùng hết khả năng phù phép của mẹ để mang Ānanda đến với con. Nếu không, mẹ sẽ không bao giờ còn nhìn thấy đứa con gái độc nhất của mẹ nữa đâu. Con sẽ nhịn đói cho đến khi mẹ mang Ānanda lại cho con. - Đức vua Kosala của chúng ta là người rất kỉnh mộ ông Cù Đàm. Đức vua đến hầu ông Cù Đàm mỗi ngày. Liệu hồn đấy! Nếu biết

con yêu Ānanda, đức vua sẽ đốt nhà, đốt xóm 16 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

chúng ta đó. Đức vua sẽ cấm tiệt dân hạ tiện chúng ta sống trong xứ này. Lúc ấy là chết. Con làm hại mọi ngợời trong giai cấp thấp hèn của chúng ta đấy, con có biết không? - Con không biết! Mẹ hãy đọc thần chú (mantra) ngay bây giờ đi. Mẹ mà đọc thần chú thì Ānanda sẽ đến ngay lập tức. Con mà không có Ānanda thì con không thể sống đợợc đâu. - Đức Phật là ngợời không còn dục vọng nên thần chú của ông ta ghê gớm, cao siêu lắm. Mà Ānanda thì biết thần chú của Phật, chắc hẳn vậy. Nghe nói “Phật chú” diệt hết tất thảy mọi thần chú trên đời này! Mẹ chịu thôi! - Đợợc mà! Thần chú của mẹ cao diệu lắm mà! Mẹ không giúp con thì con chết! Thấy con năn nỉ và có vẻ đau khổ quá, không cam tâm đợợc, bà mẹ bèn gật đầu: - Thôi đợợc! Vì thợơng con, mẹ sẽ cố gắng, nhất tâm đọc thần chú cho con. Còn nợớc thì còn tát. Ngợời mẹ lúi húi loợm phân bò khô, cỏ khô, thêm củi, lá rác vào và đốt lên cho lửa rực cháy. Bà kiếm thêm hoa ở đâu đó rồi từ từ từng cánh, từng cánh rứt ném vào lửa, miệng lâm râm đọc thần chú: “Amale, vimale, kunkume sumane, yena baddhasi vidyut icchaya devo varsati, vidyotati garjati, vismayan, Maharajasya, samabhi vardhayitum, devebhyo manushyebhyo gandharvebhyah shikigraha deva, visikhigraha grahadeva, Ānandasyagamanaya, Samgamanaya, kramanaya, grahanaya juho svaha”(1). Trong khi ngợời mẹ đọc thần chú nhiều lần nhợ vậy, nhợ ma quỷ gọi hồn, Tôn giả Ānanda ở trong tịnh xá cảm thấy đầu óc bị xáo trộn, rối loạn, không còn làm chủ đợợc tâm trí mình nữa. Nhợ bị ai điều khiển, ngài rời tu viện và

(1) Chú Sańskrit này không tìm thấy nguồn Pāḷi tợơng đợơng.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 17

mê man đi thẳng đến nhà mẹ con cô thiếu nữ hạ tiện. Thấy Tôn giả từ xa đi đến, ngợời mẹ bảo cô con gái sửa soạn giợờng gối. Ānanda bợớc vào nhà, đứng lại, lặng yên. Trong mơ hồ, ngài cũng thấy cô thiếu nữ Prakirti trang điểm duyên dáng và có vẻ gì đó rất vui sợớng. Tôn giả thầm biết mình đang gặp nạn, bèn nghĩ đến đức Phật, và bằng ý tợởng, ngài cầu xin đức Phật hộ trì. Bằng thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, đức Phật thấy Ānanda đang ở trong tình trạng nguy khốn, ngay tức khắc, sử dụng năng lực thù thắng của tâm, ngài đọc một đoạn mantra chuyển tải qua không gian một thông điệp siêu linh: “Sthi racyutith sunitih svastih sarva pranibhyah sarah prasannam nirdosham prashantam sarvatobhayam itayo yatra shamyanti sarva siddhasca yoninani etena satya vakyena svasty Ānandaya bhiksave”(1). Do “Phật chú” có năng lực thù thắng, thần chú của bà mẹ tan biến giữa hợ không. Tôn giả Ānanda tỉnh trí lại, nhợ vừa ra khỏi cơn mộng, thở ra một hơi thở nhẹ rồi cúi đầu cất bợớc, trở về lại Kỳ Viên tịnh xá... Prakirti hoảng hốt khi thấy Tôn giả Ānanda bỏ đi, cô bảo mẹ làm sao cho “ông ta” quay lại. Bà mẹ thở dài: - Mẹ biết mà!“Phật chú” dẹp tan mọi thần chú trên đời này. Chắc Ānanda đã học chú thuật của ông Phật Cù Đàm rồi. Mẹ không có khả năng thắng họ đợợc. Tôn giả Ānanda thoát đợợc nguy nạn phù phép của ngợời mẹ, vào đảnh lễ Phật và cung kính đứng hầu một bên. Đức Phật nói: - Ānanda! Ông phải nghe và ghi nhớ bài kinh Sadaksara Vidyā này. Đây là bài kinh sẽ hộ trì cho tất cả Tăng, Ni cùng cận sự nam nữ hai hàng. Bài kinh Sadaksara Vidyā này đã

(1) Nhơ chú thích trang trên.

18 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

đơợc minh thuyết bởi sáu vị Phật, đơợc hộ trì bởi Tứ Đại thiên vơơng, bởi Đại Phạm Thiên Sahampati, và bây giờ, bởi Nhơ Lai là Sākya Muni. Vậy này Ānanda! Ông phải nhớ, phải suy gẫm cho thật kỹ. Nó là những mẫu tự kết dệt lên nhau có âm vang rất huyền bí - tuy nó có nghĩa nhơng không cần thiết phải giải thích. Hãy nghe: “Andare pandare karande keyurerci haste svara grive Bandhumati, viramati, dhara vidha cilimile, vilodaya, visani loke visa cala golamati gandavile cili mile satimimena yatha samvibhaketa golamati ganda vilayai svaha”(1). Rồi ngài dạy tiếp: - Ānanda hãy ghi nhớ! Ngơời nào đọc kinh Sadaksara Vidyā này, ngơời ấy sẽ đơợc gỡ thoát, đơợc tự do nếu bị tra tấn, hành hạ. Sẽ đơợc miễn hình, giải phóng nếu bị ai đó ra lệnh trừng phạt. Nếu ngơời ấy khiếp sợ thì sẽ đơợc chấm dứt mọi khiếp sợ. Này Ānanda! Ngơời nào đơợc kinh Sadaksara Vidyā này che chở, bảo trợ sẽ không bao giờ bị một năng lực nào vùi dập, bức hại đơợc - ngoại trừ kết quả của nghiệp kiếp trơớc đã gieo. Tôn giả Ānanda thoát khỏi sự phù phép của mẹ cô gái. Nhơng Prakirti, cô thiếu nữ kia, vẫn cứ thầm yêu trộm nhớ ngài không nguôi khuây đơợc. Một ngày nọ, theo thơờng lệ, Tôn giả Ānanda đi trì bình khất thực, cô Prakirti cứ lẽo đẽo theo sau. Ānanda biết là nguy hiểm, không đi khất thực nữa, bèn quay về lại tịnh xá, trình bày lại với đức Phật chuyện ấy. Cô thiếu nữ theo gót chân Tôn giả cũng đã đến Kỳ Viên, tần ngần đứng ở trơớc cổng. Đức Phật cho gọi cô vào. Đức Phật hỏi:

(1) Không tìm thấy đoạn kệ tơơng đơơng trong tạng Pāḷi.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 19

- Có thật là cô cứ đi theo sát sau lơng Ānanda? - Bạch Thế Tôn, dạ đúng thế đó! Con có đi theo bên sau vị ấy. - Tại sao? - Bạch Thế Tôn! Con muốn Ānanda làm chồng của con. Đức Phật mỉm cơời: - Thế cha mẹ của cô có bằng lòng nhơ vậy không ? - Dạ thơa, cha mẹ con chấp thuận. - Vậy cô hãy mời hai vị đến đây. Prakirti về nhà, nói với cha mẹ rằng đức Phật muốn gặp hai ngơời. Lát sau, cô đi cùng với song thân đến Kỳ Viên tịnh xá. Đức Phật hỏi họ: - Cô con gái rơợu của hai ông bà nói là muốn có Ānanda làm chồng. Hai vị có đồng ý không? Cha mẹ cô thiếu nữ thơa: - Bạch Thế Tôn! Chúng con bằng lòng. Con gái chúng con nói rằng nó không sống đơợc nếu không có Tôn giả Ānanda. Nó nói là nó sẽ nhịn ăn cho đến chết nếu không có đơợc vị ấy. Đức Phật gật đầu: - Đơợc rồi. Hai vị có thể an tâm đi về nhà, để Prakirti ở lại đây, Nhơ Lai sẽ sắp xếp mọi chuyện. Cha mẹ cô gái đảnh lễ Phật rồi lui ra. Đức Phật bèn quay qua hỏi cô gái: - Trong kinh thành Sāvatthi này cô muốn bao nhiêu chàng thanh niên cũng có. Cớ sao cô chỉ yêu thơơng mỗi một mình Ānanda thôi? - Con thích Ānanda lắm lắm. Con yêu Ānanda nhiều nhiều, rất nhiều. Ôi! Lòng con sáng lấp lánh lên vì chàng. Trái tim con rất ấm áp khi có chàng. Con học đơợc cách suy nghĩ tự do là nhờ chàng. Cũng nhờ chàng mà con hiểu rằng con là một con ngơời, là một thành viên trong cộng đồng 20 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

nhân loại. Chính chàng đã làm cho con biết con cũng có đợợc mọi tự do, mọi quyền lợi mà bất cứ ngợời nào cũng phải có, Trong lúc con bị xã hội ruồng bỏ, gạt bỏ, xô đẩy xuống tận đáy xã hội, hành hạ với tùy tiện đòn roi đánh đập của bọn cấp cao trên trợớc, y nhợ một con chó hoang, một con chó dại; chính chàng là ngợời duy nhất dạy cho con hiểu rằng, ý thức đợợc rằng, con cũng là một con ngợời bình đẳng trong chủng tộc loài ngợời. Bởi vậy, chàng là ánh sáng của con, cuộc đời mới của con. Con không thể sống đợợc nếu không có chàng. Mắt con tràn đầy ơn phúc khi nhìn thấy chàng. Giọng nói chàng ấm áp bên tai của con. Ôi! Chàng nhìn con dịu dàng xiết bao! Lời nói nhân từ của chàng đã khắc sâu vào trái tim con. Con phải có chàng, bạch Thế Tôn - Đợợc rồi. Nhợ Lai sẽ cho cô Ānanda. Nhợng cô phải làm theo lời Nhợ Lai nói. - Con làm bất cứ điều gì cũng đợợc hết, nếu Thế Tôn cho con Ānanda. - Nếu cô muốn Ānanda, cô cũng phải mặc cái gì nhợ Ānanda đã mặc. Ānanda cạo trọc đầu, cô cũng phải cạo trọc đầu. Ānanda khoác y vàng, cô cũng phải khoác y vàng. Nếu cô làm đợợc những việc đó, cô có thể có Ānanda. - Bạch Thế Tôn, con sẽ chạy về nhà và sẽ trở lại đây ngay tức khắc sau khi làm những điều mà Thế Tôn bảo. Prakirti chạy về nhà, kể lại mọi sự việc cho bà mẹ nghe. Ngợời mẹ mắng cô. Prakirti khóc. Cô nhịn đói. Ngợời mẹ la rầy cô mà lòng vô cùng thợơng cảm: - Con ơi, con điên rồi sao? Con nhịn ăn cho đến khi chết hay sao? - Xin mẹ hãy cạo đầu cho con. Mẹ không làm, con sẽ chết thôi. - Con điên rồi! Rồi bà cố gắng khuyên lơn con gái - Con ơi! Ngợời phụ nữ đẹp nhất là ở nơi mái tóc. Cạo trọc đầu rồi thì nhan sắc còn đâu nữa! Con đui mù rồi hay sao? Có gì Minh Đức Triều Tâm Ảnh 21

làm ngợời phụ nữ xấu xí hơn bằng cái đầu trọc lóc? Ôi! Nếu tóc con bị cắt, nếu đầu con bị gợt, con sẽ xấu xí, dị hợm nhợ thế nào chăng? Trong kinh thành Sāvitthi này có cô thiếu nữ nào đẹp bằng con đâu? Mẹ sẽ tìm cho con một chàng trai khác, xứng đáng hơn. Một tấm chồng đẹp hơn. Đừng nóng nảy, vội vàng con ạ. Hãy chịu đựng, kiên nhẫn thêm một thời gian nữa. Hãy suy nghĩ cho kỹ đi! Còn đẹp đẽ, xinh xắn gì nữa nơi một ngợời con gái bị gợt tóc nhợ đầu con cá lóc! Con ơi! Đừng ngu ngốc, điên dại nữa! Hãy tỉnh cái thần hồn lại đi! - Không! Mẹ nói gì thì nói, con không muốn bất cứ một ai khác. Con chỉ muốn Ānanda, chỉ thích Ānanda, chỉ yêu mỗi một Ānanda thôi! Đối với con, chàng là tuyệt đẹp. Chàng là đệ nhất trên trần đời này! Mặt chàng sáng rực nhợ vàng. Con thích quá cái mắt hòa ái chàng nhìn, cái giọng ngọt ngào chàng nói, cái dáng uy nghiêm chàng đi. Trên cái cõi châu Diêm-phù-đề này, con không muốn bất kỳ một ai khác, ngoài chàng Ānanda của con. Ngợời mẹ gật đầu, nói: - Thôi đợợc rồi, con ăn đi. - Không, con sẽ nhịn đói cho đến khi nào mẹ gọt tóc cho con. Prakirti tuyệt thực cả mấy hôm sau đó. Sợ cô chết, mẹ cô đành phải chiều ý, cạo tóc cho con gái. Xong xuôi, ngợời mẹ nhợ nói lẫy: - Rồi đó! Hãy lấy gợơng trông thử xem, bây giờ con giống cái gì nào? Đúng là một ni cô xấu xí, xúi quẩy! Chắc chắn ai ai cũng sẽ thất vọng về con. Đây là mợu chợớc tài tình, trí xảo của ông Cù Đàm, thầy của Ānanda đó. Chẳng có ai trở về nhà sau khi bị ông Cù Đàm ấy dụ dỗ, lừa gạt. Quả là đáo để, ngoài "Phật chú", ông ta còn có cả phép thôi miên nữa đấy. Prakirti cợời khì: 22 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Điều đó chẳng quan hệ gì. Con bất cần tất cả nếu có đoợc Ānanda. Con bất cần nếu phải đi xin ăn ngoài đoờng cùng với chàng. Mẹ ơi! Con xin cảm ơn mẹ! Con chạy vù đến tịnh xá Kỳ Viên ngay bây giờ đây! Chào mẹ! Chào mẹ yêu quý của con! - Con đi đi! Ngoời mẹ gắt, lớn giọng - Rồi con xem việc gì sẽ xảy ra. Cô thiếu nữ Prakirti đầu trọc đi đến tịnh xá Kỳ Viên, mình đắp y vàng. Cô đảnh lễ Phật rồi chắp tay đứng hầu một bên. Hàng trăm vị soị, trong đó có Ānanda, đang ngồi quanh Phật. - Kính lễ Thế Tôn! Cô gái thoịa - Con đã làm y nhoị lời Thế Tôn dạy bảo, xin ngài hãy giữ lời hứa, trao Ānanda cho con. Đức Phật nói: - Tốt lắm! Con bây giờ xứng đáng để nhận Ānanda. Troớc khi Nhoị Lai trao Ānanda cho con, con hãy trả lời Nhoị Lai một vài câu hỏi. - Xin Thế Tôn cứ hỏi. - Cái gì nơi Ānanda làm con yêu thích? Cái vẻ bề ngoài của ông ta? Khuôn mặt của ông ta? Cặp mắt của ông ta? Cách nói của ông ta? Dáng đi của ông ta? Cái gì ở nơi ông ta vậy? - Đối với con, khuôn mặt Ānanda là tuấn mỹ. Mũi cao thẳng, đẹp đẽ. Mắt hiền dịu, dễ thoịơng. Tai có vành tai tròn sáng, nhoị có lực hút, hấp dẫn. Giọng nói ngọt ngào nhoị mật. Toị toởng đúng đắn, cao thoịợng, chính đại quang minh, hợp với lẽ phải muôn đời. Toàn bộ dáng dấp bề ngoài đều gợi cảm, quyến rũ. Con gái trên đời này mà không đắm đuối nhìn Ānanda thì ngoời ấy không có con mắt, không xao xuyến rung động bởi Ānanda thì ngoời ấy không có trái tim! Sự thật nhoị vậy đó! Con yêu tất cả "vẻ ngoời" diệu mỹ của chàng. Minh Đức Triều Tâm Ảnh 23

Đức Phật chậm rãi, điềm đạm nói: - Con xem thân hình Ānanda là đẹp, có phải thế không? Da dẻ Ānanda vàng sáng nhoị ngọc chuốt, có phải thế không? Nhoịng mà này con! Nếu da của ông ta bị thoịơng tích, da đó sẽ chảy máu. Nếu không chữa lành thì da đó sẽ soịng tấy lên. Nó sẽ đau. Nó sẽ moịng lên. Rồi noớc mủ sẽ rỉ ra. Cái mà con nói là đẹp ấy, nó chỉ là cái bề ngoài mà con thấy, giới hạn nơi cái lớp da bọc ngoài mà thôi. Nhoị vậy, vẻ đẹp hay vẻ gợi cảm, quyến rũ chỉ đều là do cái nhìn về bề ngoài da thịt. Nhoịng nếu da của một ngoời bị lột ra thì chẳng ai thèm nhìn ngoời đó nữa. Nếu cái gì ở bên trong thân thể bị lật ra bên ngoài thì lũ chó và lũ quạ sẽ đến tấn công, chụp giựt, cắn xé; phải cầm gậy gộc đuổi đánh chúng đi. Thân thể đó không phải đoợc làm bằng ngọc trai, vàng hay bạc. Cũng không phải thiết kế bằng đá quý, san hô. Cái tạo nên thân thể đó đoợc làm bằng xoịơng, da, gân, thịt, máu, đờm, dãi, noớc tiểu, noớc bọt, phân... Thân thể ấy không đáng giá gì cả khi con nhìn nó. Nếu nhìn vào thực chất của nó, con sẽ thấy nó đáng ghê tởm xiết bao! Ai là ngoời không có trí thì toởng rằng nó là đẹp. Thực chất thì nó vô thoịờng nhoị bọt noớc, nhoị bong bóng, tan biến nhoị ánh chớp, huyễn ảo nhoị ma thuật, nhoị giấc mộng. Thân thể là phù du, không chắc thật, xảo dối. Nó giống nhoị một chiếc bao chứa đầy đồ phế thải dơ uế. Khi nó bệnh tật, ta trở thành kẻ thù của chính ta. Nếu ta nhịn ăn uống một ngày, nếu ta không tắm rửa một ngày, nếu ta không súc miệng một ngày, ta sẽ thấy chính ta là đáng kinh tởm xiết bao. Tất cả những gì kinh tởm chúng sẽ tứa ra ngoài thân. Thân thể là nơi noịơng tựa của bệnh tật, của buồn rầu, của sợ hãi, của khổn nguy. Không một ai có thể biết là mình sẽ chết hôm nay hay ngày mai. Đồ phế thải dơ uế của thân thể ta làm chính ta phải ghê sợ, tởm lợm. Thân thể ta là nhà chứa của ghê sợ, tởm lợm. Ta không thể mang cái thân này đi theo đoợc. Ta không thể cho ai cái thân 24 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

này đợợc. Bộ xợơng này gồm ba trăm đốt, không tính răng. Các đốt xợơng đợợc nối kết lại với nhau nơi một trăm tám mợơi khớp. Thịt đợợc cột chùm lại nhờ chín sợi gân máu. Chín trăm mảnh thịt bám chặt vào gân. Toàn thể bộ xợơng đợợc da bao quanh, cho nên ta không thấy gì bên trong. Da đợợc đánh bóng nhờ những sợi tơ li li đan kết lại. Thân này có hàng triệu lỗ chân lông. Đồ phế thải dơ uế tứa ra ngoài thân nhợ mỡ đọng nơi vành chảo, miệng nồi. Đó là trú cợ của hàng triệu triệu con trùng. Đó là nơi than khóc, tóc tang chọn làm chỗ ẩn náu. Đó là bì da chứa đồ phế thải dơ uế qua chín lỗ thoát hơi... Khi hơi thở lìa khỏi thân này, ai cũng sợ hãi, ngay cả sờ lên đấy cũng thấy kinh! Chỉ vài ngày sau, nó bốc mùi thối hoắc bởi đồ phế thải rỉ ra. Yêu thợơng cái xác chết này hay yêu thợơng cái xác chết nọ thì nào có gì khác nhau đâu? Tình yêu là do sự thèm muốn, khao khát mà có. Ở đâu không có thèm muốn, khao khát, ở đấy không còn ham mê, đắm đuối. Ở đâu có tình yêu thân xác, ở đấy tất có sầu buồn đau khổ. Từ ngày con bắt đầu yêu thợơng Ānanda, con đã chứng nghiệm trong lòng mình bao nhiêu là buồn khổ, khóc lóc, thở than, bỏ ăn, bỏ ngủ, suy nhợợc, kiệt lả... cả thân lẫn tâm - lẽ ra con phải tự biết chứ? Tất cả những điều đó đâu có phải là hạnh phúc chân thật để cho con phải mất công tốn sức tầm cầu, cợu mang, ấp ủ? Bây giờ, con hãy suy nghĩ cho thật kỹ với trí thông minh của con, nhìn xem thử lại, quan sát kỹ lại cái thân thể của ông Ānanda có phải là cái gì đáng cho con phải mê, phải mệt, phải tợơng tợ, thầm yêu, trộm nhớ không? Hãy nói cho Nhợ Lai nghe thử nào? Prakirti càng nghe đức Phật nói chừng nào, sự thật càng đợợc phơi bày chừng nào, cô càng kinh khiếp, ghê sợ chừng đó do căn tu nhiều đời. Cứ thử tợởng tợợng thôi, là cô cứ muốn nôn ọe... Cô chợt quỳ sụp xuống:

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 25

- Ôi, bạch đấng Giác Ngộ! Quả thật là con đã thấm thía quá sức rồi! Quả thật là con đã thấy đợợc sự thật qua lời giảng dạy cặn kẽ, sâu sắc của ngài rồi. Con đã thấy thực chất những cái gì dơ uế nơi thân thể của Tôn giả Ānanda qua lời mà ngài vừa đặc tả. Lòng con chợt nhẹ bổng, nhẹ thênh thênh sau khi nghe thời pháp vi diệu của Thế Tôn. Con đã tận tợờng, thông suốt mọi điều, mọi lẽ rồi; chẳng có gì có thể che giấu, dối gạt con đợợc nữa. Đức Phật lại mỉm cợời: - Nếu thật là nhợ vậy, Nhợ Lai sẽ thực hiện lời hứa trao Ānanda cho con. Bây giờ con có thể đi về nhà cùng với Ānanda! Prakirti vái lạy lia lịa: - Ồ không! Bạch đấng Giác Ngộ! Con không cần chàng nữa, con không cần Tôn giả Ānanda kia nữa. Lời dạy thâm sâu, cao diệu, nhất là hiện thực và cụ thể của Thế Tôn đã chữa lành tâm bệnh của con, đã chữa lành sự ngu ngốc, điên loạn của con rồi. Bây giờ, con không còn là cô thiếu nữ mê muội sống theo ợớc vọng điên cuồng nhợ vậy nữa. Tất cả cơn đam mê đã lìa khỏi tâm của con rồi. Xin Thế Tôn rủ lòng bi mẫn thâu nhận con vào ni đoàn của ngài. Đức Phật mỉm nụ “tiếu sanh tâm” nhè nhẹ gật đầu: - Đoàn thể tăng ni của Nhợ Lai sâu rộng nhợ biển lớn. Bao nhiêu con sông nhợ Gaṅgā, Yamuna, Aciravati, Sindhu, Godhavati - tất cả chúng đều chảy vào biển, trộn chung, tan hòa lại với nhau, chẳng còn phân biệt nợớc của con sông này với nợớc của con sông kia, tất cả chỉ còn một tên gọi chung là biển. Cũng vậy, Nhợ Lai không phân biệt ngợời thấp hèn hay cao sang, chủng tộc, giai cấp hay xứ sở, ai cũng có thể bợớc vào đoàn thể tăng ni của Nhợ Lai đợợc cả. Khi vào, tất cả những gì khác biệt trợớc đây đều

tan biến, mọi ngọời cùng sống với nhau nhọ con chung một cha, là huynh đệ, là tỷ muội trong một đại gia đình yêu thọơng và bình đẳng. Tất 26 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

cả đều trở thành là “Con của Phật”, là Phật tử hay Thích tử. Bởi vậy, không có gì cản trở con gia nhập giáo chúng ni đoàn. Thế rồi, cô đọợc gia nhập ni đoàn và không lâu sau đó tỳ-khọu-ni Prakirti trở thành một vị A-la-hán. Tin đồn về đức Phật thâu nhận một cô gái hạ tiện vào ni đoàn lan rộng ra khắp nơi nhanh nhọ gió thổi. Tất cả giới tọớng lãnh, bà-la-môn, phú gia và quý tộc của kinh thành Sāvitthi thảy đều bàng hoàng, rúng động. Họ tự hỏi làm sao một phụ nữ hạ tiện, khi trở thành ni cô, có thể đi vào nhà của một ngọời sinh ở giai cấp trên trọớc; làm sao một ngọời sinh ở giai cấp trên trọớc có thể đến gần “cô ni” ấy, làm sao “cô ni” ấy có thể nhận thức ăn khất thực từ ngọời sinh ở giai cấp cao hơn? Họ đến thọa chuyện với đức vua Kosala. Đức vua khen thầm thái độ quang minh chính đại của Phật khi ngài muốn phá bỏ hàng rào các giai cấp, tôn trọng sự tự do và bình đẳng, nhọng cũng cùng với một đoàn tùy tùng gồm những ngọời thuộc giai cấp thọợng đẳng thân hành đến bái yết ngài. Đức Phật gọi tỳ-khọu-ni Prakirti, tôn giả Ānanda và tất cả tăng ni đến quanh ngài, rồi ngài hỏi vua và mọi ngọời có muốn nghe kể chuyện kiếp trọớc của Prakirti không. Ai cũng muốn nghe. Rồi đức Phật bèn kể: “Trong một kiếp quá khứ, bên bờ sông Gaṅgā, có một vị thủ lãnh giai cấp hạ tiện tên là Trishanka. Ông ta có một ngọời con trai tên là Shardula Karna dung mạo tuấn tú, kiến thức sâu rộng, học hết ba bộ kinh Vệ Đà. Khi thanh niên ấy đến tuổi lập gia đình, ngọời cha đến nhà ngọời bà-la-môn có tên là Pushkaar Shari để cầu hôn con gái ông ta cho con trai của mình. Ngọời con gái ấy tên là Prakirti. Ngọời bà-la-môn tức giận, cho việc cầu hôn ấy là một sự lăng mạ, sỉ nhục. Minh Đức Triều Tâm Ảnh 27

Ngọời thủ lãnh giai cấp hạ tiện cố gắng đem hết lý lẽ ra để giải thích rằng phân biệt giai cấp nhọ vậy là không đúng, ai cũng là con ngọời cả. Ngọời cha bà-la-môn Pushkaar Shari lấy làm hài lòng bởi lời giải thích có lý có tình, đúng với sự thật của vị thủ lãnh nên chấp thuận gả con gái của mình cho con trai của ông ta. Cô thiếu nữ Prakirti xinh đẹp của ngọời bà-la-môn giai cấp thọợng lọu kia bây giờ chính là tỳ-khọu-ni Prakirti bây giờ đây. Con trai của vị thủ lãnh giai cấp hạ tiện, hiện nay chính là Ānanda. Và, Nhọ Lai chính là thủ lãnh Trishanka giai cấp hạ tiện của kiếp trọớc đó vậy”. Sửng sốt, ngạc nhiên và thú vị bởi câu chuyện hay, đức vua Kosala và tùy tùng lãnh hội đọợc bài học, đảnh lễ Phật rồi ra về.

28 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Nguyên Nhân Đức Phật Cho Thọ Y Kaṭhina

Nhắc lại chuyện cách đây hai mọơi hai năm về trọớc. Sau khi thành đạo tại cội Bồ Đề, đức Phật về Vọờn Nai hóa độ cho năm đạo sĩ Kiều Trần Nhọ trở thành các bậc thánh vô lậu, thế là giáo hội Tăng-già ra đời, ban đầu chỉ có năm vị. Cũng thời gian ở đây, đức Phật tiếp độ thêm công tử Yasa cùng năm mọơi lăm bạn hữu đồng đắc quả A-la-hán. Và đây chính là lực lọợng sa-môn trí giả đầu tiên đọợc đức Phật khuyên họ phân bố đi hoằng hóa nhiều phọơng, mỗi ngọời một nơi, không đi chung nhau vì hạnh phúc cho

chọ thiên và loài ngọời. Thế rồi, sau khi tiễn đọa sáu mọơi vị A- la-hán lên đọờng, đức Phật rời Lộc Uyển, theo lộ trình trở lại thăm cội cây Bồ Đề tại Uruvelā cùng ngôi làng Senānī thăm lại các gia đình ân nhân thí chủ, trong đó có bát sữa kỳ diệu của nàng Sujātā. Đến khu rừng Kappāsīya, thấy hoa kadamba nở vàng rực, họơng thơm ngào ngạt, đức Phật dừng chân, độ ngọ rồi nghỉ trọa. Tại đây, đức Phật đã tiếp độ thêm ba mọơi vọơng tử xứ Kosala trở thành ba mọơi vị tỳ-khọu(1) rồi sau đó, họ

(1) Xem lại MCĐMVNN II.

tình nguyện đi đến miền rừng núi xứ Pāvāya, biên địa phía Bắc Kosala để hành đạo, tùy duyên tiếp độ chúng sanh. Thời gian trôi qua, ba mọơi vị tỳ-khọu này đều thọ trì hạnh đầu-đà; sống đời giản dị và trong sạch, xứng đáng phẩm hạnh của những bậc thánh vô lậu trong giáo hội của đức Tôn Sọ. Họ thọ̀ng chia nhau ra từng nhóm hai ba vị một, đi trì bình khất thực quanh những xóm làng sơn cọớc, có gì dùng nấy. Họ loợm vải dơ, vải rách, vải bên vệ đọờng, nghĩa địa ngọời ta quăng bỏ để vá y, may y để mặc. Việc đức Phật cho phép thọ y Kaṭhina nguyên do bởi câu chuyện của ba mọơi vị trọởng lão xứ Pāvāya này. Thuở ấy, một vị tỳ-khọu chỉ đọợc dùng một số y phụ nhọ y lót ngồi, y lót nằm, y rịt ghẻ, y lau mặt, sau này còn đọợc phép dùng thêm y tắm mọa. Gọi là y nhọng thật ra, chúng chỉ là những tấm vải lớn nhỏ tùy theo mục đích sử dụng. Cần thiết và quan trọng nhất cho một vị tỳ-khọu là tam y (ticīvara), nó gồm có một tấm y dày hai lớp để làm chăn đắp, gọi là y Tăng-già-lê (saṅghāti); một tấm y khác nữa, gọi là y ngoại, y thọợng hay y vai trái để mặc ngoài (uttarasaṅgha); một tấm y để mặc nhọ cái xiêm đọợc gọi là y hạ hay y nội (antaravāsaka). Do tất thảy đều là vải loợm, đôi khi phải may vá nhiều lớp trông mới lành nguyên, nên tấm y Tăng-già-lê của vị tỳ-khọu nào cũng dày cộm. Nhớ lời đức Phật dạy, con chim có đôi cánh luôn dính với thân hình nhọ thế nào thì vị tỳ-khọu có tam y cũng y nhọ thế, không đọợc phép rời khỏi tam y, phải luôn luôn dính tam y ở bên mình. Những khi trời nắng, hay tiết trời tạnh ráo thì y Tăng-già-lê dễ phơi phóng, mau khô, mang nhẹ; nhọng khi lỡ bị ọớt nọớc mọa thì tấm y ấy trở thành gánh nặng trên vai! Tình trạng nhọ thế đã xảy ra với nhóm tỳ-khọu ba mọơi vị ở Pāvāya này trong nhiều lần trọớc đây họ về thăm đức Thế Tôn ở Kỳ Viên tịnh xá; nhọng lần sau cùng này thì xem ra có vẻ „thê thảm“ hơn nhiều. 30 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Chuyện là, khi hay tin đức Phật ở Kỳ Viên tịnh xá, rồi ở Đông Phọơng Lộc Mẫu trong hạ thứ hai mọơi, hạ thứ hai mọơi mốt, ba mọơi trọởng lão xứ Pāvāya quyết định từ giã miền rừng biên địa, lặn lội về thăm ngài sau nhiều năm xa cách. Do những trận mọa xối xả bất thọờng, những đoạn đọờng qua núi, qua làng trở nên lầy lội nên họ bộ hành rất chậm; và những tấm thân già cùng với tam y ai cũng bị đẫm ọớt. Khi đến thị trấn Sāketa là đã đến gần ngày an cọ nên họ phải tìm chỗ trú chân, hong khô y áo. Vị trọởng lão trọởng đoàn run run vì lạnh, đăm đăm nhìn về phọơng nam, cất tiếng nhọ đã quyết định: - Đức Thế Tôn hiện ở rất gần mà chúng ta cũng không về đảnh lễ bên chân của ngài đọợc. Thôi, chúng ta hãy tìm một khu rừng, tạm thời an cọ mùa mọa ở đây. Sau hạ, chúng ta hãy lên đọờng. Mọi ngọời y lời. Rồi mùa an cọ cũng qua đi,

nhọng do mọa suốt mấy tháng nên việc trì bình bị trở ngại, ai cũng gầy ốm, xanh xao vì thiếu thốn vật thực. Và suốt quãng đọờng về Sāvatthi, ba mọơi vị tôn giả lại bị đẫm nọớc mọa nhiều lọợt nữa, tấm y Tăng-già-lê trên vai nghe nặng nhọ quả núi. Khi họ lầm lũi, gắng sức đến đọợc Kỳ Viên tịnh xá, cả ba mọơi vị trông rất thảm não; hình ảnh ấy kinh động đến đức Phật, kinh động đến chọ tăng và kinh động đến cả hai hàng cận sự nam nữ. Sau khi gặp mặt ba mọơi vị trọởng lão, thấy sắc mặt xanh xao, hình dong tiều tuỵ, y áo vá chằm vá đụp nhọng cũng đã rách nát tả tơi của họ, đức Phật động tâm chánh pháp. Tức tốc, ngài cho triệu tập chọ vị đại trọởng lão có mặt ngay tức khắc tại giảng đọờng Kỳ Viên tịnh xá để cùng nhau xử lý vấn đề vừa phát sanh trọớc mắt. Họớng tâm đến sinh hoạt tăng lữ của chọ Chánh Đẳng Giác thời quá khứ, đức Phật Gotama biết rằng, khi gặp trọờng hợp tọơng tự, chọ Phật đã cho phép thọ y Kaṭhina Minh Đức Triều Tâm Ảnh 31

với cách thức nhọ vậy, nhọ vậy...(1) Ngọời đọợc thọ y, ví nhọ trọờng họp ba mọơi vị trọởng lão này, sẽ nhận đọợc vải lành lặn do thí chủ dâng cúng, để cắt, vá, may làm thành y mới, thay thế y áo đã quá cũ rách. Còn nữa, chọa nói chuyện thí chủ hoan hỷ cúng dọờng y Kaṭhina có phọớc báu vô song; riêng ngọời thọ y cũng sẽ đọợc năm quả báo hiện tiền, có đọợc nhiều sự dễ dàng trong việc tới lui, sinh hoạt. Trong năm quả báo(2) ấy, điều thứ hai, là không mang theo y tăng- già-lê nặng nề bên mình mà cũng không phạm tội vào điều học nào cả. Thế là trong suốt ba ngày, đức Phật cùng chọ vị đại trọởng lão đã chế định những điều khoản, tuyên ngôn, cách thức thọ trì, thế nào là thành tựu, thế nào là không thành tựu... vân vân và vân vân. Từ đó đại lễ dâng y Kaṭhina bắt đầu đọợc phổ biến rộng khắp tịnh xá, tu viện trong toàn thể châu Diêm-phù-đề. Ngọời đọợc diễm phúc và vinh hạnh làm chủ lễ đại thí cúng dọờng y Kaṭhina đến đức Phật và chọ tăng Kỳ Viên tịnh xá lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo, chính là bà Visākhā vậy.

(1) Xem Mahāvagga II, tạng Luật; tỳ-khọu Indacanda đã có bản Việt dịch. (2) 5 quả báo: 1- Ra đi không từ giã vị trọởng nhóm, không có tội. 2- Đi, không mang theo y Tăng-già-lê, không phạm điều học. 3- Thọ thực chung nhiều vị, cũng đọợc. 4- Không thọ y, có thể cất giữ y hoặc không gởi y cũng không sao. 5- Y của tỳ-khọu mất hay y phát sanh nhọ tài sản của Tăng, vị tỳ- khọu đã thọ Kaṭhina đọợc phép sử dụng.

32 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Cây Bồ Đề Ānanda

Từ khi kinh thành Sāvatthi có hai tu viện lớn là Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên và Đông Phọơng Lộc Mẫu – nơi nào cũng có sức chứa hằng ngàn vị tỳ-khọu - thì đức Phật thọ dọờng lui tới cả hai nơi trong những lúc họp tăng hay thuyết giảng những bài pháp quan trọng đến tứ chúng hoặc riêng cho chọ tỳ-khọu tăng ni. Tuy nhiên, chỗ đức Phật hằng lọu trú nhất vẫn là Kỳ Viên tịnh xá. Cứ mỗi độ sau mùa an cọ, đức Phật lại ra đi. Chọ vị đại trọởng lão nhọ hai vị đại đệ tử, tôn giả Mahā Kassapa, tôn giả Upāli... đôi lúc cũng cùng với hội chúng tỳ-khọu đệ tử của mình cũng rời Kỳ Viên hay Đông Phọơng làm những cánh hạc du phọơng, thong dong vô trụ xứ. Hôm kia, vào khoảng

mùa an cọ thứ hai mọươi bốn của đức Phật tại Kỳ Viên tịnh xá; và có lẽ cũng đã suy nghĩ cặn kẽ, trọởng giả Cấp Cô Độc tìm gặp tôn giả Ānanda, rồi thọa: - Thọờng thọờng, sau mỗi mùa an cọ, tịnh xá Kỳ Viên trông đìu hiu và hoang vắng lắm, tôn giả có biết thế không? Tôn giả Ānanda nhè nhẹ gật đầu: - Đức Tôn Sọ ra đi, chọ vị đại trọởng lão và chúng tỳ- khọu cũng ra đi, thì có lẽ ở đây rất là trống vắng. Đó là sự thật, thọa trọởng giả!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 33

- Cứ mỗi buổi sáng, cứ mỗi buổi chiều, cận sự nam nữ hai hàng đến Kỳ Viên tịnh xá với hoa, với đèn, với trầm, với những vòng hoa, tràng hoa... họ đi quanh một vòng, không biết đặt vào đâu - thế là họ đặt tất cả vật cúng dọờng ấy ngoài họương phòng của đức Thế Tôn, đảnh lễ họương phòng rồi ra về. Chúng chất thành từng đống, từng đống, ngày này sang ngày khác, đến họ mục và thối rữa. Trên mỗi khuôn mặt, dọờng nhọ ai cũng có một nỗi buồn khó tả khi không có mặt đức Thế Tôn! - Đúng là vậy rồi, thọa trọởng giả! Ngần ngại một lát, trọởng giả thọa tiếp: - Những mong tôn giả thọa thỉnh với đức Thế Tôn, rằng là, xem có nơi nào khác để hai hàng cận sự có thể đến lễ bái, cúng dọờng trong lúc đức Thế Tôn bận đi du hóa phọương xa, không có mặt ở Kỳ Viên tịnh xá, nhọng vẫn đọợc xem nhọ là đang có sự hiện diện của ngài. Tôn giả Ānanda nhíu mày: - Có phải trọởng giả muốn hỏi, một nơi nào đấy, có cái biểu tọợng gì đấy - đọợc xem nhọ là vẫn có mặt đức Đạo Sọ ở Kỳ Viên? - Đúng là vậy! Trọởng giả xoa tay, nở nụ cọời hoan hỷ - Tôn giả đã nắm bắt rất chính xác ý nghĩ và ọớc nguyện của đệ tử vậy. Thế là vào dịp thuận lợi nhất, tôn giả Ānanda vào hầu Phật. Và sau đó, câu chuyện đã diễn ra nhọ sau: - Bạch đức Thế Tôn! Có bao nhiêu vật biểu tọợng - đọợc xem nhọ là có sự hiện diện của đức Thế Tôn - để chúng sanh có thể đến đấy để lễ bái, cúng dọờng (cetiyāni)? - Tất thảy có ba, này Ānanda! Đức Phật giảng giải – Thứ nhất, những vật có liên hệ đến thân thể (sārikira) của Nhọ Lai, nhọ ngọc xá-lợi sau khi Nhọ Lai nhập diệt. Thứ hai, những vật có liên quan đến những đồ dùng riêng (pāribhogika) của Nhọ Lai, ví nhọ y và bát... Thứ ba, những 34 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

vật nhọ tọợng trọng nhằm để tọởng nhớ (uddesika), ví nhọ cây Bồ Đề, kỷ niệm nơi chốn Nhọ Lai chứng ngộ đạo quả vô thọợng! - Đệ tử hiểu rồi! Tôn giả Ānanda thọa tiếp - Về việc thứ nhất, khi đức Tôn Sọ còn tại tiền thì đâu có xá-lợi để tôn thờ? Tuy nhiên, có thể xây dựng ngôi bảo tháp tọợng trọng đọợc không, bạch đức Tôn Sọ? - Không thể đọợc, này Ānanda! Bảo tháp ấy chỉ đọợc kiến tạo khi Nhọ Lai nhập diệt rồi; và khi ấy, tất thảy thịt, xọương, gân, da, tim, não, máu, mồ hôi, lông, tóc của Nhọ Lai... sau khi thiêu đốt, chúng biến thành ngọc, đọợc gọi là ngọc xá-lợi – thì sự lễ bái cúng dọờng ngọc xá-lợi ấy mới có ý nghĩa, mới có phọớc báu, này Ānanda! - Thế còn đồ dùng riêng, bạch đức Tôn Sọ ? - Cũng tọương tự vậy, nghĩa là sau khi Nhọ Lai Niết-bàn rồi – mới nói lên đọợc ý nghĩa biểu tọợng của nó. - Vậy thì chỉ còn cây Bồ Đề, kỷ niệm nơi thành đạo của đức Đạo Sọ, là có thể thiết lập ngay hiện tại này để mọi ngọời có thể chiêm bái, cúng dọờng? - Đúng vậy, này Ānanda! Hãy trồng đi! Làm đọợc nhọ vậy là xem nhọ Nhọ Lai luôn có mặt tại Kỳ Viên tịnh xá. Sau cuộc hội kiến ấy, tôn giả Ānanda thuật lại câu chuyện cây Bồ Đề với trọởng giả Cấp Cô Độc, với bà Visākhā,

với đức vua Pāsenadi... Tôn giả Mahā Moggallāna tinh minh ngàn dặm, biết chuyện ấy, đã sử dụng thần thông, nhanh mắt, nhanh tay vơơn chụp một hạt bồ-đề chín muồi đang rơi từ cây xuống rồi trao ngay cho tôn giả Ānanda, mỉm cơời nói: - Hãy tìm một chỗ tơơng thích trong khuôn viên tịnh xá để gieo ơơm liền tay đi, hiền giả! Biết đơợc sự hệ trọng của vấn đề cùng ý nghĩa biểu tơợng thiêng liêng của nó, tôn giả Ānanda lắc đầu :

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 35

- Không! Công đức này hãy để dành cho bậc nhân chủ Kosala! Tức tốc, tôn giả Ānanda bộ hành vào cung, mang hạt bồđề ấy trao cho đức vua Pāsenada rồi nói : - Chính bệ hạ mới là ngơời xứng đáng gieo ơơm hạt bồđề này nhơ ngọn cờ chiến thắng tâm linh. - Không! Không! Tôi không dám nhận cái vinh dự ấy đâu! Nói thế xong, suy nghĩ một lát, đức vua Pāsenadi mặc đồ đại lễ, cùng với quần thần lên những cỗ xe bốn ngựa đến trao hạt bồ đề ấy cho tơởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng : - Chính tơởng giả là ngơời khởi tâm đầu tiên. Vậy công đức và phơớc báu này không ai có thể giành phần của tơởng giả đơợc. Khi mọi ngơời có mặt đầy đủ tại Kỳ Viên tịnh xá, tôn giả Ānanda chỉ chỗ gieo ơơm rồi, nhơng tơởng giả Cấp Cô Độc vẫn có vẻ chần chừ - thì một giọng phạm âm từ đâu đó vẳng lại : - Hãy đặt hạt xuống lỗ đi, này Sudatta! Mọi ngơời nhơờng nhau, cuối cùng, hạt bồ-đề nằm trong tay ông! Vậy, về tình, về lý, về đạo, về đời đều trọn hảo cả! Ai cũng biết đấy là ngôn lời động viên chính đáng của đức Thế Tôn. Tơởng giả Cấp Cô Độc không dám không nghe theo, bèn chấp tay thành kính vái giữa hơ không, rồi đặt hạt xuống, khỏa đất lại, tơới nơớc lên - tơớc sự chứng kiến của hai vị đại đại đệ tử, tôn giả Ānanda, đức vua Pāsenadi và bà Visākhā... Từ đó, hạt bồ-đề nẩy mầm, phát triển xanh tốt. Cận sự hai hàng biết chuyện, ai cũng để tâm chăm bón. Một số ngơời còn mang sữa bò, sữa dê cho cây uống nữa nên nó lớn nhanh nhơ thổi.

36 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Tơởng giả Cấp Cô Độc nghĩ đến ngơời tạo thuận duyên cho ơớc mơ của ông đơợc thành tựu - chính là vị thị giả của đức Tôn Sơ – nên ông đặt tên là Cây Bồ Đề Ānanda!(1)

Ghi chú đặc biệt ở hạ thứ 24: - Trong soạn phẩm “Đơờng xơa mây trắng” của thiền sơ Nhất Hạnh, và soạn phẩm “Sự tích đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni” của Minh Thiện - Trần Hữu Danh, ở hạ thứ 24 này có đề cập đến kinh “Bát đại nhân giác”. Đây là kinh của hệ phái phát triển, không có trong thời Phật. Lý do, bảy điều tơớc là tinh thần phổ quát của giáo pháp, nhơng điều thứ tám, nguyên bổn chữ Hán, có đoạn: “Phát đại thừa tâm. Phổ tế nhất thiết. Nguyện đại chúng sanh. Thọ vô lơợng khổ”. Lơu ý cho: Thời Phật, không hề có từ “đại thừa”; và cũng không có tinh thần “nguyện thay chúng sanh, thọ vô lơợng khổ”! Nếu so sánh với Pāḷi văn thì Theravāda cũng có “8 pháp của bậc chân nhân”, tôi ghi ra đây để chúng ta cùng tham khảo, nhơ sau: 1-Có đủ bảy diệu pháp: tín, tàm, quý, đa văn, tấn, niệm, tuệ. 2-Thân cận bậc chân nhân. 3-Tơ duy hơớng thiện và hơớng thơợng, bất hại cho mình và tha nhân. 4-Lý luận, thảo luận chân chánh không

gây hại cho mình và tha nhân. 5-Mỹ toàn bốn khẩu thiện hạnh: không vọng ngữ, không ly gián, không ác độc, không vô ích. 6-Mỹ toàn bốn thân thiện hạnh: không sát, đạo, dâm, tửu. 7-Có chánh kiến (kiến, văn, giác, tri nhơ thật). 8-Biết 8 cách bố thí của bậc chân nhân: Vật trong sạch, vật thơợng hạng, đúng thời, phù hợp, có suy nghĩ, làm thơờng xuyên, tâm thanh tịnh, ba thời (trơớc, trong và sau) đều hoan hỷ.

(1)

Đây là cây bồ-đề lịch sử có tuổi thọ lớn nhất, hiện nay vẫn còn sống tại
Sahet Mahet - Jetavana cũ. Sang Ấn Độ, ngơời biên soạn có đến đảnh lễ cây
Bồ Đề này.
Minh Đức Triều Tâm Ảnh 37

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.